

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:40/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994

Nơi ĐKNKTT: Tổ A, khu phố G, phường B (trước là phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn), tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Số B T, khu phố I, phường B (trước là phường B, thị xã B), tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn Anh Lê Minh T, sinh năm 1995

Nơi ĐKHKTT: khu phố D, phường Q (trước là phường Phú Sơn, thị xã Bỉm Sơn), tỉnh Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: số nhà G, đường N, khu phố E, phường B (trước là phường B, thị xã B), tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP C

Đ/c: Số A T, phường H (trước đây là Quận H), TP.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn D- Giám đốc Chi nhánh B1

Địa chỉ: Đường T, phường B (trước đây là phường B, thị xã B), tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Phạm Thị Thùy D1- chức vụ: Trưởng phòng bán lẻ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84/ Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải ngày 04 tháng 7 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Lê Minh T](#)

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **VỀ HÔN NHÂN:** Chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Lê Minh T](#) thống nhất thuận tình ly hôn.

- **VỀ CON CÁI:** Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Lê Hồng Hải Đ](#) (giới tính: nam), sinh ngày 02/3/2024. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu [Hải Đ](#) cho chị [Nguyễn Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh [Lê Minh T](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2025.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:**

+ Vợ chồng đã tự giải quyết với nhau xong và rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng đã giải chấp trả hết nợ cho [Ngân hàng TMCP C](#), người đại diện theo uỷ quyền lại của Ngân hàng đã có văn bản số 69/CV-CNBTH-BGD ngày 27/6/2025 công nhận ngày 16/6/2025 chị [Nguyễn Thị H](#) và anh [Lê Minh T](#) đã trả toàn bộ khoản vay tại [Ngân hàng TMCP C](#) nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc nợ.

-Đình chỉ yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản chung và việc giải quyết công nợ của chị [Nguyễn Thị H.](#)

- Về án phí DSST: Chị [Nguyễn Thị H](#) nộp 75.000đ, anh [Lê Minh T](#) nộp 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên thoả thuận chị [Nguyễn Thị H](#) nộp thay anh [Lê Minh T](#) án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị [H](#) đã nộp theo biên lai thu số 0004718 ngày 21/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá). Như vậy, chị [H](#), anh [T](#) đã nộp đủ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí yêu cầu phân chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Trả lại cho chị [Nguyễn Thị H](#) số tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004747 ngày 24/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này đọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đọc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 6;
- [UBND phường P](#) (nay là UBND phường Quang Trung) (ĐK 28/12/2022);
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- THA dân sự tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TẠ THỊ HƯƠNG